

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 696/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1883/TTr-SXD ngày 20/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Đăng kiểm (*thủ tục hành chính số 01, 02, 05, 06, mục III*) được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

2. Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực đăng kiểm (*thủ tục hành chính số 01, 02, 03, 04, 07, 10, 11*) được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên.

3. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Đăng kiểm (*thủ tục hành chính số 01*) được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 29/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm công khai thủ tục hành chính theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định này và Quyết định số 2478/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----------|--|--|---|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| I | Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | | | | | | |
| 1 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc. | Bộ phận một cửa bắt kỳ trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên | Không | - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | Một cửa | | X |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|--|--|---|----------------------|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | - Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. | | | |
| 2 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc. | Bộ phận một cửa bất kỳ trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên | Không | - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</p> <p>- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|---|---|---|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | <p>Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc.</p> <p>- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày.</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc.</p> | Bộ phận một cửa bất kỳ trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên | Không | <p>- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</p> <p>- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm,</p> | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|---|--|---|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. | | | |
| 4 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 10 ngày. - Cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc. | Bộ phận một cửa bất kỳ trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên | Không | - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|--|---|--------------------|--|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | - Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. | | | |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) | - Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: Ngay trong ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: Ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. | Cơ sở đăng kiểm | Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---|--------------------|--|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | <p>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả:</p> <p>+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: Ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.</p> <p>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.</p> | | <p>- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | <p>chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|--|---|--------------------|--|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu | Trong 04 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Cơ sở đăng kiểm | Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. | Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|--|--|--------------------|---|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 7 | Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng | <p>Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: Trong 04 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.</p> | Cơ sở đăng kiểm | <p>Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới.</p> | <p>- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</p> | Một cửa | | X |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>- Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định đối với xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|---|---|--------------------|--|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| 8 | Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | <p>Trường hợp nộp trực tiếp: Trong thời gian 04 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: Ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.</p> | Cơ sở đăng kiểm | Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính | <p>- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</p> | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|---------------------------------|--|--------------------|--|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | - Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. | | | |
| 9 | Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo | Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ thời | Cơ sở đăng kiểm | Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên | Một cửa | | X |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|--|--------------------|--|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | <p>điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.</p> <p>- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.</p> | | <p>- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | <p>dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|---|--|--------------------|---|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | - Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. | | | |
| 10 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng | - Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: Ngay trong ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: | Cơ sở đăng kiểm | Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|--|--------------------|---|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | <p>+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: Ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.</p> <p>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả:</p> <p>+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: Ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.</p> <p>+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.</p> | | <p>môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | <p>giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|---|---|--------------------|--|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | - Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. | | | |
| 11 | Chúng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo | - Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định). - Cấp Giấy chứng nhận: | Cơ sở đăng kiểm | Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. | Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục | Một cửa | | x |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---|--------------------|---|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | <p>+ Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 03 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.</p> <p>+ Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.</p> | | <p>- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TTBTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | <p>chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTTC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|--|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | <p>toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> | | | |

| TT | Tên thủ tục | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Cơ chế giải quyết TTHC | Dịch vụ công trực tuyến | |
|----|-------------|---------------------|--------------------|----------------------|---|------------------------|-------------------------|----------|
| | | | | | | | Toàn trình | Một phần |
| | | | | | - Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. | | | |

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH ĐĂNG KIỂM
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

*(Kèm theo Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Quyết định công bố thủ tục hành chính |
|------------|--|--|
| 1 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên |
| 2 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên |
| 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên |
| 4 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) | Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Quyết định công bố thủ tục hành chính |
|-----|--|--|
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu | Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |
| 7 | Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng | Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |
| 8 | Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |
| 9 | Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo | Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |
| 10 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng | Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Quyết định công bố thủ tục hành chính |
|------------|---|--|
| 11 | Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo | Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |
| 12 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin | Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 29/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên |